TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2024/DS-ST
Ngày: 25/10/2024
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Chánh,

- Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23, 24 và ngày 30 tháng 10 năm 2024 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1150/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 290/2024/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1493/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần A** trụ sở: Số 194, Đường T, Phường L, Quận H, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phan Đức Tú - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Thụy Thùy Trang - Chuyên viên khách hàng cá nhân Ngân hàng Thương mại Cổ phần A - Chi nhánh Biên Hòa; địa chỉ: Số 248, Đường C, Khu phố 2, phường Th, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai *(là người đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền số 65/BIDV.BHO.QLNB ngày 23/10/2023), có mặt.*

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Phạm Văn M**, sinh năm 1972; nới đăng ký thường trú: Khu phố 1, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; *vắng mặt không có lý do.*

2.2. Bà **Mai Thị H**, sinh năm 1979; nơi đăng ký thường trú:, khu phố 1, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: Thôn Y, Xã N, huyện N1, tỉnh Th; *có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết cũng như tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thống nhất trình bày:*

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, Ngân hàng cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa (sau đây được gọi là Ngân hàng) và ông Phạm Văn M, bà Mai Thị H (gọi là các bị đơn) ký Hợp đồng tín dụng số 208/2019/3461385/HĐTD, cụ thể Hợp đồng các bên thỏa thuận như sau:

Ngân hàng cho các bị đơn vay số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng); mục đích vay: Sữa chữa nhà ở; Thời hạn vay: 84 tháng; Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất vay 9%/năm trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên. Sau 12 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, áp dụng lãi suất vay bằng lãi suất tiết kiệm trả sau VND kỳ hạn 24 tháng niêm yết tại BIDV Biên Hòa cộng 4.5%/năm. Từ ngày 01/07/2020 trở đi áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần vào các ngày 01/01; 01/07 hàng năm theo nguyên tắc bằng lãi suất tiết kiệm trả sau VND kỳ hạn 24 tháng niêm yết tại BIDV Biên Hòa cộng 4.3%/năm, tối thiểu bằng lãi suất cho vay kỳ đầu của cùng loại vay, thời hạn vay tại thời điểm điều chỉnh, không vượt quá lãi suất tối đa theo quy định của BIDV (nếu có) tại thời điểm điều chỉnh, khách hàng và Ngân hàng không phải ký kết văn bản nào khác. Lãi suất quá hạn: Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Vào ngày 17/5/2019, các bị đơn đã cùng ký bảng kê rút vốn và Ngân hàng đã thực hiện giải ngân số tiền: 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) chuyển vào tài khoản bên cung cấp.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ của mình, ngày 16 tháng 5 năm 2019, bị đơn và nguyên đơn đã ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 209/2019/3461385/HĐBĐ thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thực hiện bảo đảm nghĩa vụ hoàn trả cho các khoản vay nêu trên. Thửa đất số: 169, tờ bản đồ số: 81 Phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; diện tích: 259,90m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BM 785096, số vào sổ cấp GCN CH 05074 do Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp ngày 05/03/2013 cho ông Phạm Văn M, bà Mai Thị H. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, các bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi trong thời gian dài. Vì vậy, nguyên đơn buộc phải khởi kiện. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

- Buộc ông Phạm Văn M, bà Mai Thị H phải thực hiện ngay nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng với tổng số tiền là: 275.133.779đ (Hai trăm bảy mươi lăm triệu một trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm bảy mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc : 257.360.000 đồng; nợ lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 25/10/2024) 16.249.200đ; phí phạt quá hạn: 1.524.599đ.

- Kể từ ngày 26/10/2024, ông Phạm Văn M, bà Mai Thị H còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay và Giấy nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

- Trường hợp ông Phạm Văn M, bà Mai Thị H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số: 169, tờ bản đồ số: 81 Phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; diện tích: 259,90m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BM 785096, số vào sổ cấp GCN CH 05074 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 05/03/2013 cho ông Phạm Văn M, bà Mai Thị H để thu hồi nợ vay. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho nguyên đơn thì ông Phạm Văn M, bà Mai Thị H vẫn có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ còn lại cho nguyên đơn.

** Bị đơn ông Phạm Văn M:* Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt (niêm yết) hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho bị đơn. Tuy nhiên tất cả

những lần được triệu tập bị đơn ông Phạm Văn M đều vắng mặt không có lý do, không gửi bất cứ tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến của mình trước các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Bị đơn bà Mai Thị H:* Bị đơn bà Mai Thị H có cung cấp bản tự khai trình bày nội dung như sau: Ngày 15/5/2019, ông Mười và bà Huyền có ký Hợp đồng tín dụng số 208/2019/3461385/HĐTD với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A - chi nhánh Biên Hòa, vay số tiền 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng), mục đích vay sửa chữa nhà ở, thời hạn vay 84 tháng. Tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 259,90m^2 thửa 169 tờ bản đồ số 81 phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 785096 do Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp ngày 05/3/2013 cho ông Phạm Văn M và bà Mai Thị H.

Trong quá trình vay chúng tôi có gặp khó khăn, làm ăn thua lỗ dẫn đến mất khả năng thanh toán nên chưa thể trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Nay ông Mười và bà Huyền đồng ý trả số tiền gốc và lãi trên cho Ngân hàng nhưng vì điều kiện khó khăn nên ông bà xin thời gian để trả dần. Đồng thời bà Huyền có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Các bị đơn ông Mười vắng mặt, không tham gia tố tụng được coi là tự tước bỏ quyền nghĩa vụ tố tụng của mình. Các đương sự khác đã chấp thành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và lời trình bày, tranh luận của đương sự tại phiên tòa hôm nay có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn thanh toán nghĩa vụ tương ứng và chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện các bị đơn yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và lãi trong hợp đồng tín dụng. Tranh chấp giữa các bên xuất phát từ việc giao kết và thực hiện hợp đồng tín dụng. Căn cứ Khoản 14, 16 Điều 4 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

- Về thẩm quyền giải quyết: Theo hợp đồng tín dụng cũng như tại thời điểm khởi kiện một trong các bị đơn cư trú tại phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Hợp đồng tín dụng các bên cũng được xác lập và thực hiện tại thành phố Biên Hòa. Các bên không có thỏa thuận về nơi Tòa án giải quyết tranh chấp. Căn cứ vào khoản Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì tranh chấp nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Mười đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn bà Huyền có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt và được Hội đồng xét xử đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.3] Về chứng cứ và chứng minh

Bị đơn ông Mười vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn và bị đơn cung cấp cũng như Toà án thu thập được và kết quả tranh tụng tại phiên toà để xem xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn ông Mười phải chịu hậu quả của việc từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2.1] Về khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cũng như thừa nhận của bị đơn bà Mai về quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng tín dụng của các bên là không có mâu thuẫn và phù hợp với các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng. Từ những nội dung đó có thể khẳng định. Nguyên đơn cho các bị đơn vay số tiền 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) và có thế chấp bằng quyền sử dụng đất của các bị đơn theo Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi trong thời gian dài là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thảo thuận tại Hợp đồng tín dụng. Tính đến thời điểm hiện tại các bị còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 257.360.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Vì vậy, cần buộc các bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền này cho nguyên đơn.

Ngoài ra, tại Hợp đồng tín dụng các bên còn thỏa thuận về lãi suất và phạm vi phạm. Xét thấy các thỏa thuận thuận do các bên tự nguyện. Đến thời điểm hiện tại các bị đơn vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận. Vì vậy việc nguyên đơn yêu cầu buộc các bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả lãi và phạt vi phạm theo yêu cầu khởi kiện là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về việc yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp

Để bảo đảm cho khoản vay, bị đơn ông Mười và bà Huyền đã thế chấp cho nguyên đơn tài sản theo Hợp đồng thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 259,90m^2 thửa 169 tờ bản đồ số 81 phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 785096 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 05/3/2013 cho ông Phạm Văn M và bà Mai Thị H.

Hợp đồng thế chấp tuân thủ đúng quy định tại Điều 317 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có giá trị pháp lý ràng buộc giữa các bên. Do đó, trong trường hợp ông Mười và bà Huyền không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ trên cho Ngân hàng

thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ các nhận định tại mục *[2.1], [2.2],* Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận để chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các bị đơn.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu ý kiến về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng:

- Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo nghĩa vụ của mình. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp.

- Về chi phí tố tụng: Các bị đơn phải chịu 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp. Số tiền này nguyên đơn đã nộp tại Toà án nên buộc các bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, Điều 147, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Các Điều 8; 10; 22; 33; 49 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ "Quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ"; các Điều 7, 13, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11 tháng 01 năm 2019 "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm";

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về yêu cầu khởi kiện

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đối với các bị đơn ông Phạm Văn M và bà Mai Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

2. Về nghĩa vụ thanh toán

Buộc các bị đơn ông Phạm Văn M, bà Mai Thị H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A các khoản tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 25/10/2024: 275.133.779đ (Hai trăm bảy mươi lăm triệu một trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm bảy mươi chín đồng), cụ thể các khoản là:

- Nợ gốc : 257.360.000đ (Hai trăm năm mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Nợ lãi quá hạn tính đến hết ngày 25/10/2024: 16.249.200đ (Mười sáu triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm đồng).

- Phạt thanh toán quá hạn: 1.524.599đ (Một triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày 26/10/2024, các bị đơn ông Phạm Văn M và bà Mai Thị H còn phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 208/2019/3461385/HĐTD ngày 15/5/2019 và Giấy nhận nợ do các bên xác lập cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

3. Về việc xử lý tài sản bảo đảm

Trường hợp, ông Phạm Văn M và bà Mai Thị H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 209/2019/3461385/HĐBĐ ngày 15/5/2019 là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số: 169, tờ bản đồ số: 81 Phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai; diện tích: 259,90m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BM 785096, số vào sổ cấp GCN CH 05074 do Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp ngày 05/03/2013 cho ông Phạm Văn M, bà Mai Thị H để thu hồi nợ vay. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển thì ông Phạm Văn M và bà Mai Thị H vẫn có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ còn lại cho nguyên đơn.

Trường hợp ông Phạm Văn M và bà Mai Thị H thanh toán xong toàn bộ các khoản tiền gốc, lãi mà không phải phát mãi tài sản bảo đảm thì phải thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A phải làm thủ tục xóa thế chấp và hoàn trả toàn bộ các giấy tờ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên đứng tên ông Phạm Văn M và bà Mai Thị H.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm

- Ông Phạm Văn M và bà Mai Thị H phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 13.756.600đ (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 8.565.746 đồng (tám triệu, năm trăm sáu mươi lăm ngàn, bảy trăm bốn mươi sáu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0001805 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

5. Về chi phí tố tụng

Buộc ông Phạm Văn M và bà Mai Thị H có nghĩa vụ liên đới nộp 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng) phí xem xét, thẩm định tại chỗ để trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

6. Về quyền kháng cáo

- Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Các bị đơn được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**